

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2016
CỦA CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 – 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016	10
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2016	11 – 53

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính tổng hợp cho niên độ kế toán 2016 của toàn Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây viết tắt là “**Công ty**”) là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 5884/QĐ-UB ngày 18/06/2003 và được chuyển đổi sang Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 23/07/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Công ty hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Mã số doanh nghiệp **3500614211**, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 01 năm 2015.

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Vốn điều lệ : 41.049.652.301 Đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

* **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại : (84-064) 385 3125
- Fax : (84-064) 351 1385
- Website : busadco.com.vn
- E-mail : busadco@hcm.vnn.vn
- Mã số thuế : 3 5 0 0 6 1 4 2 1 1

* **Hệ thống các Chi nhánh, Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính.**

CHỦ TỊCH CÔNG TY, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Chủ tịch công ty và Ban Tổng Giám đốc

- | | | |
|----|---------------------|---|
| 1. | Ông Hoàng Đức Thảo | Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty |
| 2. | Ông Đỗ Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông Nguyễn Võ Khoa | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Ông Hồ Văn Thư | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. | Ông Nguyễn Phúc Hải | Phó Tổng Giám đốc |
| 6. | Ông Trần Văn Bình | Giám đốc Ban Tài chính kiêm Kế toán trưởng |

Kiểm soát viên

Bà Hoàng Thị Hạnh

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được tập hợp số liệu từ Báo cáo tài chính năm 2016 của các Đơn vị sau:

- Văn phòng Công ty và Ban Quản lý dự án;
- Chi nhánh Miền Bắc – Chi nhánh Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco – Chi nhánh Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Công ty Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Busadco – Chi nhánh Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm từ trang 07 đến trang 53.

CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 sẽ được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2016 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2016 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phó Tổng Giám đốc – Hồ Văn Thư

Thành phố Vũng Tàu, ngày 29 tháng 5 năm 2017

Số: 87/2017/BCTC-NTV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**KÍNH GỬI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC
VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho niên độ kế toán 2016 kèm theo của Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây viết tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 5 năm 2017, từ trang 07 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm kiểm toán, Công ty đang thực hiện các thủ tục trình Chủ tịch công ty và cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2016 theo quy định tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan của Báo cáo tài chính tổng hợp vì lý do nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt



Chủ tịch Hội đồng thành viên

Phó Tổng Giám đốc – Lê Hạ

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0082-2015-124-1

Kiểm toán viên – Huỳnh Hữu Phước

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 1762-2014-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		505.778.813.718	519.037.854.161
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		16.564.530.159	6.992.610.512
111	1 Tiền	V.1	16.564.530.159	6.992.610.512
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		449.570.420.075	481.061.693.824
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	46.216.917.330	65.769.289.655
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	401.934.787.803	409.544.078.545
136	3 Phải thu ngắn hạn khác	V.4	4.023.413.452	7.876.825.252
137	4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(2.604.698.510)	(2.128.499.628)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	33.848.320.717	30.954.660.365
141	1 Hàng tồn kho		34.267.159.986	31.112.197.934
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(418.839.269)	(157.537.569)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.795.542.767	28.889.460
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	4.089.570.802	-
152	2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.8	120.091.653	10.488.900
153	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.9	1.585.880.312	18.400.560
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.012.553.559.495	940.726.232.691
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		212.006.111	4.998.611
216	1 Phải thu dài hạn khác	V.10	212.006.111	4.998.611
220	II. Tài sản cố định		38.784.661.317	29.421.163.988
221	1 Tài sản cố định hữu hình	V.11	21.881.461.317	12.517.963.988
222	- Nguyên giá		110.608.504.176	99.272.436.940
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(88.727.042.859)	(86.754.472.952)
227	2 Tài sản cố định vô hình	V.12	16.903.200.000	16.903.200.000
228	- Nguyên giá		17.020.215.000	17.020.215.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(117.015.000)	(117.015.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		952.708.417.343	886.176.432.999
242	1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	952.708.417.343	886.176.432.999
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		19.451.354.794	19.351.354.794
251	1 Đầu tư vào công ty con	V.14	11.454.854.794	11.354.854.794
252	2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.15	7.996.500.000	7.996.500.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.397.119.930	5.772.282.299
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	V.16	1.377.334.339	5.515.069.600
262	2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.17	19.785.591	257.212.699
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.518.332.373.213	1.459.764.086.852

CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

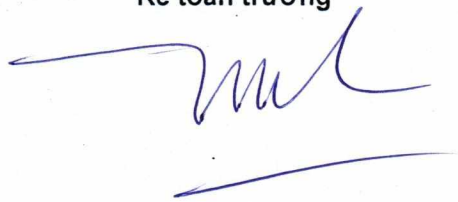
Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		194.814.912.896	207.560.755.467
310	I. Nợ ngắn hạn		194.749.912.896	207.380.075.467
311	1 Phải trả người bán ngắn hạn	V.18	76.007.172.045	41.233.333.353
312	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.19	5.956.491.048	1.951.746.860
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.20	8.655.189.415	10.389.589.215
314	4 Phải trả người lao động	V.21	11.072.161.141	21.704.837.783
315	5 Chi phí phải trả ngắn hạn	V.22	66.642.800.114	84.384.918.193
318	6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.23	127.838.182	127.838.182
319	7 Phải trả ngắn hạn khác	V.24	2.049.111.793	3.991.850.421
320	8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.25	-	8.144.151.168
321	9 Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	6.000.000.000
322	10 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.26	24.239.149.158	29.451.810.292
330	II. Nợ dài hạn		65.000.000	180.680.000
337	1 Phải trả dài hạn khác		65.000.000	180.680.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.323.517.460.317	1.252.203.331.385
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.27	1.323.517.460.317	1.252.203.331.385
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu	V.27.1	41.449.435.281	41.449.435.281
418	2 Quỹ đầu tư phát triển	V.27.2	42.526.477.860	39.240.880.498
421	3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.27.3	-	-
422	4 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	V.27.4	1.239.541.547.176	1.171.513.015.606
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.518.332.373.213	1.459.764.086.852

TP. Vũng Tàu, ngày 29 tháng 5 năm 2017

Kế toán trưởng



Trần Văn Bình

Phó Tổng Giám đốc



Hồ Văn Thư



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.28	275.204.261.517	360.146.678.948
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.28	343.818.547	8.562.912.442
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.28	274.860.442.970	351.583.766.506
11	4 Giá vốn hàng bán	VI.29	168.980.936.384	215.379.605.097
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		105.879.506.586	136.204.161.409
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.30	999.430.234	1.728.424.827
22	7 Chi phí tài chính	VI.31	398.234.225	229.383.797
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		317.879.298	198.714.129
25	8 Chi phí bán hàng	VI.32	19.505.496.132	20.605.695.685
26	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.33	75.656.322.172	89.355.368.272
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.318.884.291	27.742.138.482
31	11 Thu nhập khác	VI.34	492.670.179	981.723.100
32	12 Chi phí khác	VI.35	249.326.292	1.260.151.300
40	13 Lợi nhuận khác		243.343.887	(278.428.200)
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.562.228.178	27.463.710.282
51	15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.36	372.809.862	1.135.758.407
52	16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.37	237.427.108	237.427.108
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		10.951.991.208	26.090.524.767

TP. Vũng Tàu, ngày 29 tháng 5 năm 2017

Kế toán trưởng



Trần Văn Bình

Phó Tổng Giám đốc



Hồ Văn Thư

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		253.295.968.708	187.573.566.958
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(156.163.328.222)	(160.614.596.819)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(111.579.506.396)	(125.609.933.250)
04	4 Tiền lãi vay đã trả	VI.31	(317.879.298)	(100.732.512)
05	5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.20	(2.206.480.647)	(1.000.000.000)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		157.661.446.067	150.414.946.211
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(123.868.167.631)	(55.472.608.085)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16.822.052.581	(4.809.357.497)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.412.000)	(4.618.151.605)
25	2 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.14	(100.000.000)	-
27	3 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.30	996.301.981	884.278.884
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		890.889.981	(3.733.872.721)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1 Tiền thu từ đi vay	V.25	110.920.810.344	93.520.391.872
34	2 Tiền trả nợ gốc vay	V.25	(119.064.961.512)	(90.612.994.749)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.144.151.168)	2.907.397.123
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9.568.791.394	(5.635.833.095)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	6.992.610.512	12.628.443.607
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.128.253	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	16.564.530.159	6.992.610.512

TP. Vũng Tàu, ngày 29 tháng 5 năm 2017

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc




Trần Văn Bình

Hồ Văn Thư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

NĂM 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính tổng hợp cho niên độ kế toán 2016 của Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, sau đây viết tắt là “Công ty”.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một Thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

- Hoạt động công ích trong lĩnh vực thoát nước đô thị: Làm chủ đầu tư, xây dựng các công trình thoát nước và xử lý nước thải, chất thải rắn và các công trình khác từ nguồn vốn ngân sách do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giao; Quản lý các nguồn vốn ODA do UBND tỉnh BR-VT giao để đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh; Quản lý khai thác sử dụng hệ thống các hồ điều hò, điều tiết, kênh, mương đê bao, các công ngăn triều phục vụ yêu cầu thoát nước đô thị; Duy tu, duy trì, bảo vệ, vận hành hệ thống thoát nước tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Kiểm soát các nguồn xả từ các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ quan đơn vị đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị; Quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Dịch vụ Tư vấn xây dựng và Dịch vụ môi trường, Đầu nối hệ thống thoát nước cục bộ vào hệ thống thoát nước chung; Bao tiêu trọn gói hệ thống cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường và hút hầm vệ sinh cho các tổ chức và hộ gia đình; Thu gom, chuyên chở các loại chất thải sinh hoạt đô thị và công nghiệp.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, các thiết bị, phụ tùng ngành nước và vệ sinh môi trường.
- Nhận thầu thi công xây lắp công trình chuyên ngành cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình điện dưới 35KV, công trình nạo vét sông, hồ, bến cảng, công trình nông lâm thủy, công trình cầu, đường giao thông vận tải.
- Nghiên cứu ứng dụng các công trình khoa học, công nghệ bảo vệ môi trường; Hợp tác với các tổ chức và các nhà khoa học trong và ngoài nước trong lĩnh vực sáng tạo khoa học công nghệ ứng dụng vào sản xuất và đời sống; Cung cấp hoặc chuyển giao công nghệ các sản phẩm khoa học; Hợp tác đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên ngành nước và vệ sinh môi trường; Thi

CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

nghiệm vật liệu xây dựng, thiết bị phụ tùng ngành nước và vệ sinh môi trường; Kiểm định chất lượng các công trình khoa học.

- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Đầu tư kinh doanh và quản lý chợ.

Tổ chức hệ thống hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm Trụ sở chính và các Chi nhánh; các Công ty con; Công ty liên doanh liên kết sau đây:

- ❖ **Báo cáo tài chính của các Chi nhánh được tổng hợp vào Báo cáo tài chính toàn Công ty gồm có:**

	Chi nhánh	Mã số thuế	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Miền Bắc – Chi nhánh Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	3500614211-001	Thôn 6, Xã Thạch Hòa, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội
2.	Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco – Chi nhánh Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	3500614211-003	Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3.	Công ty Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Busadco – Chi nhánh Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	3500614211-005	Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- ❖ **Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết tại ngày 31/12/2016**

(Được trình bày theo giá gốc ở chỉ tiêu Đầu tư tài chính trên Báo cáo tài chính của Công ty)

	Công ty con và Công ty liên doanh liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty
1.	Công ty CP Xây lắp Busadco	Tổ 19 ấp Bắc, Xã Hoà Long, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	55,84%
2.	Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Tổ 19 ấp Bắc 2, Xã Hoà Long, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	66,40%
3.	Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Đường Trường Chinh, ấp Quảng Phú, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, BRVT	39,98%



II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Cơ sở giả định hoạt động liên tục: Ban Tổng giám đốc Công ty nhận thấy khoản lỗ lũy kế tại Chi nhánh Miền Bắc và Công ty Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Busadco vượt so với số vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc, tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết sẽ cung cấp cho các Chi nhánh các hỗ trợ tài chính cần thiết để các Chi nhánh có thể thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ nợ đến hạn trong thời gian ít nhất 12 tháng kể từ ngày Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn các Báo cáo tài chính, do đó Ban Tổng giám đốc Công ty tin rằng cơ sở hoạt động liên tục là thích hợp trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho niên độ kế toán 2016 của Công ty.



2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì Công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc ghi sổ kế toán theo nguyên tắc sau:
 - + *Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;*
 - + *Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán*
 - + *Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;*
 - + *Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.*

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động (tỷ giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập).

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quý và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp của các sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong niên độ kế toán.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 có hiệu lực thi hành từ ngày 28/11/2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
- Máy móc và thiết bị	05 – 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
- Tài sản cố định khác	03 - 10

Công ty có áp dụng khấu hao nhanh đối với một số Máy móc thiết bị và Phương tiện vận tải, truyền dẫn.

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

TSCĐ vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất lâu dài và Phần mềm vi tính được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế.

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất lâu dài	-
- Phần mềm máy vi tính	03

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng.



Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

9. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

12. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc



chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được hạch toán theo số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều niên độ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện phù hợp với các quy định hiện hành.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

17. Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng (HĐXD) được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

- a. Trường hợp HĐXD qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện HĐXD được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- b. Trường hợp HĐXD qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện HĐXD được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.



Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau) trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.



21. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên Thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm; Hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế TNDN hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế TNDN sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

03848
CÔNG TY
KIỂM T
ẤN TÁN
CHI NH
TẠI THÀNH
HỒ CHÍ M
PHỐ H

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	763.985.647	657.943.073
- Văn phòng và Ban quản lý dự án	717.957.232	499.524.026
- Chi nhánh Miền Bắc	27.866.295	9.480.858
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	7.701.656	8.530.632
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	10.460.464	140.407.557
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	15.800.544.512	6.334.667.439
- Văn phòng và Ban quản lý dự án [*]	14.899.500.373	4.362.762.956
- Chi nhánh Miền Bắc	92.823.338	1.008.319.740
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	592.111.573	894.318.000
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	216.109.228	69.266.743
Cộng	16.564.530.159	6.992.610.512
 [*] Trong đó Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ cuối năm là USD 13,594.33 tương đương 308.863.178 Đồng.		
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng theo dõi tại các Đơn vị như sau:		
a. Văn phòng và Ban quản lý dự án	12.302.809.462	25.356.179.225
b. Chi nhánh Miền Bắc	20.622.078.470	27.335.261.726
c. Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	11.735.782.298	11.698.789.758
d. Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	1.556.247.100	1.379.058.946
Cộng	46.216.917.330	65.769.289.655



CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

a. Số dư chi tiết theo dõi tại Văn phòng và Ban quản lý dự án:

- BQLDA đê biển (Sở NN&PTNT Tỉnh Thái Bình)	3.655.679.000	3.655.679.000
- BQLDA cung cấp sản phẩm kênh mương đúc sẵn	1.516.262.000	-
- Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Phúc Yên	186.702.000	-
- Sở Xây dựng tỉnh BRVT	1.290.916.905	15.193.084.837
- Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế và XD Hoa Kỳ	999.758.000	-
- Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hồng Đức	978.600.000	364.394.000
- Ban quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị	974.446.000	974.446.000
- Công ty TNHH TM & DV Vận tải Việt Hải	631.292.938	2.631.292.938
- Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Liên Sơn	390.409.367	-
- Công ty Đầu tư và Khai thác HT KCN Đông Xuyên Phú Mỹ I	523.446.720	-
- Các đối tượng khác	1.155.296.532	2.537.282.450
Cộng	12.302.809.462	25.356.179.225

Trong đó Phải thu bên liên quan:

- Công ty CP Xây lắp Busadco	117.599.997	117.599.997
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh BRVT	29.399.999	29.399.999

b. Số dư chi tiết theo dõi tại Chi nhánh Miền Bắc:

- Công ty Cổ phần Licogi 13	4.296.183.902	2.182.834.700
- UBND Xã Thái Xuyên	3.073.032.500	3.073.032.500
- Công ty Cổ phần SB Tech	2.880.701.106	3.591.417.173
- Công ty Cổ phần Xây Lắp Busadco	1.724.235.431	7.974.235.432
- Công ty Xây dựng Đồng Tâm	1.250.173.500	1.250.173.500
- UBND Xã Vũ Trung	1.226.566.400	1.561.806.400
- UBND Xã Vũ Hội	1.029.389.300	1.029.389.300
- Các đối tượng khác	5.141.796.331	6.672.372.721
Cộng	20.622.078.470	27.335.261.726

Trong đó Phải thu bên liên quan:

- Công ty CP Xây lắp Busadco	1.724.235.431	7.974.235.432
------------------------------	---------------	---------------

CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)
 Năm 2016

c. Số dư chi tiết theo dõi tại Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco:

- Công ty Cổ phần công trình Giao thông tỉnh BR – VT	300.000.000	703.536.426
- Công ty Cổ phần ĐT PT XD Đại Việt	1.074.982.200	-
- Công ty TNHH XD Đông Nam	114.050.000	1.095.600.000
- Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	317.137.639	517.137.639
- Công ty TNHH Đức Anh	946.955.800	3.412.200
- Công ty TNHH Thương mại Hương Lúa	333.396.000	333.396.000
- CN Tổng Công ty ĐTPĐT và KCN VN – TNHH MTV tại Miền Đông	551.410.000	-
- Công ty TNHH XD TM Lang Phong	576.479.200	807.540.000
- Công ty Cổ phần XD và TM Hà Mỹ Hưng	670.316.000	-
- Công ty Cổ phần XD TM Mỹ Nam	-	1.253.128.850
- Công ty TNHH MTV Công trình GTSG – XN Sản xuất BT Nhựa Nóng	1.654.646.068	1.065.963.492
- Công ty TNHH XD Thịnh An	-	1.437.651.535
- Công ty Cổ phần TM & XL An Phú	294.214.500	294.154.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp Busadco	1.752.746.000	-
- Các đối tượng khác	3.149.448.891	4.187.269.616
Cộng	11.735.782.298	11.698.789.758

Trong đó Phải thu là bên liên quan

- Công ty Cổ phần Xây lắp Busadco	1.752.746.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	11.086.000	-

d. Số dư chi tiết theo dõi tại Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco:

- Công ty Cổ phần Xây lắp Busadco	505.594.000	445.368.200
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	561.120.571
- Nguyễn Ngọc Uyên	114.556.175	28.079.350
- Công ty TNHH Minh Minh Vũng Tàu	105.000.000	-
- Nguyễn Anh Dũng	103.992.425	29.013.750
- Nguyễn Bá Hùng	101.164.125	50.074.100
- Công ty TNHH XD Quyết Toàn Thắng	57.050.000	-
- Bệnh viện Lê Lợi	49.800.000	-

CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

- Lê Thị Mỹ Dung	47.429.300	6.974.200
- Nguyễn Văn Đạt	44.070.300	23.657.550
- Trần Thị Nguyệt	34.920.000	23.750.550
- Nguyễn Thị Nhung	33.016.600	21.182.375
- Võ Anh Quy	28.616.400	24.476.625
- Trần Thái Minh Huy	28.225.650	31.049.425
- Các đối tượng khác	302.812.125	134.312.250
Cộng	1.556.247.100	1.379.058.946

- Trong đó Phải thu là bên liên quan

- Công ty Cổ phần Xây lắp Busadco	505.594.000	445.368.200
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	-	561.120.571

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán ngắn hạn theo dõi tại các Đơn vị như sau:

- Văn phòng và Ban quản lý dự án	[*] 401.116.033.190	409.477.539.791
- Chi nhánh Miền Bắc	-	1.960.034
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	20.940.661	9.505.860
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	797.813.952	55.072.860
Cộng	401.934.787.803	409.544.078.545

[*] Số dư chi tiết theo dõi tại Văn phòng và Ban quản lý dự án như sau:

Trả trước cho người bán (hoạt động kinh doanh)	3.111.172.718	2.013.863.007
- Cửa hàng Kinh doanh Thực phẩm (Đại lý Tùng)	1.082.450.000	-
- Công ty CP Công trình Giao thông và Đô thị Côn Đảo	-	968.870.872
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh BR-VT	443.133.695	-
- Sở Xây dựng Tỉnh BRVT	323.339.623	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật 3S	299.400.000	-
- Công ty CP Kỹ thuật Môi trường Kỹ Nguyên	212.381.400	84.952.560



CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

- Công ty TNHH T&T Invenmark Sở hữu Trí tuệ Quốc tế	190.000.000	-
- Các đối tượng khác	560.468.000	960.039.575
Trả trước cho người bán (Ban quản lý dự án)	398.004.860.472	407.463.676.784
- Công ty Liên doanh OTV-VINCI	304.639.511.916	304.639.511.916
- Công ty Alpha Umwelttechnik AG - Thụy Sĩ	49.038.572.000	-
- Holinger Ltd	20.412.473.461	69.451.045.461
- Công ty Berim	12.943.530.388	12.980.249.805
- Công ty OTV (Gói số 3 cung cấp thiết bị nạo vét)	10.039.267.112	10.039.267.112
- Công ty CP Nước & Môi trường Việt Nam	-	1.821.000.000
- Công ty CP Tư vấn CTN & Môi trường	-	1.299.918.360
- Trung tâm KT Tài nguyên & Môi trường tỉnh BRVT	211.034.413	267.601.703
- Công ty CP TV Kiểm định Xây dựng BR-VT	165.487.303	165.487.303
- Các đối tượng khác	554.983.879	6.799.595.124
Cộng	401.116.033.190	409.477.539.791
Trong đó Trả trước cho bên liên quan:		
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh BR-VT	443.133.695	-
4. Phải thu ngắn hạn khác		
- Phải thu về cổ phần hóa	272.000.000	-
- Tạm ứng [a]	3.049.542.927	4.843.534.364
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	61.609.850
- Phải thu khác [b]	701.870.525	2.971.681.038
Cộng	4.023.413.452	7.876.825.252
[a] Tạm ứng theo dõi tại các Đơn vị như sau:		
- Văn phòng và Ban quản lý dự án [*]	2.236.878.858	3.953.219.264
- Chi nhánh Miền Bắc	415.989.210	751.314.839
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	350.786.700	134.400.261
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	45.888.159	4.600.000
Cộng	3.049.542.927	4.843.534.364



CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)
 Năm 2016

[*] *Tạm ứng cho công nhân viên theo dõi tại Văn phòng và Ban quản lý dự án:*

- Trần Văn Minh	1.537.826.858	3.172.148.798
- Nguyễn Ngọc ánh	128.732.000	126.000.000
- Nguyễn Khắc Sự	60.000.000	-
- Hoàng Văn Nghĩa	50.000.000	40.000.000
- Hoàng Tuấn Anh	40.000.000	-
- Hoàng Văn Mạnh	38.000.000	58.000.000
- Các đối tượng khác	382.320.000	557.070.466
Cộng	2.236.878.858	3.953.219.264

[b] *Phải thu khác theo dõi tại các Đơn vị như sau:*

- Văn phòng và Ban quản lý dự án	[*]	452.585.414	2.839.528.724
- Chi nhánh Miền Bắc	[**]	235.982.381	122.052.287
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco		13.302.730	7.896.187
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco		-	2.203.840
Cộng		701.870.525	2.971.681.038

[*] *Phải thu khác theo dõi tại Văn phòng và Ban quản lý dự án:*

- Trần Văn Minh		217.734.932	217.734.932
- Trần Văn Dực (ứng đền bù ODA VT)		150.000.000	150.000.000
- Phải thu Thuế TNCN 2016 của nhân viên		73.300.482	-
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu		11.550.000	11.550.000
- Phải thu Thuế TNCN 2015 của nhân viên		-	2.425.567.276
- Bảo hiểm xã hội nợ thừa		-	34.676.516
Cộng		452.585.414	2.839.528.724

Trong đó Phải thu bên liên quan:

- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu		11.550.000	11.550.000
--	--	------------	------------



CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

[**] Phải thu khác theo dõi tại Chi nhánh Miền Bắc:

- Phạm Thị Hà	108.928.480	106.930.186
- Công ty Cổ phần Đại Dương	100.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	11.282.231	-
- Hoàng Thị Ngọc Sen	7.305.286	-
- Công ty Điện lực Thái Bình	7.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.466.384	15.122.101
Cộng	235.982.381	122.052.287

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

a. Văn phòng và Ban quản lý dự án	(921.403.378)	(1.246.675.859)
b. Chi nhánh Miền Bắc	-	(17.721.060)
c. Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	(1.683.295.132)	(864.102.709)
Cộng	(2.604.698.510)	(2.128.499.628)

a. Dự phòng nợ phải thu khó đòi theo dõi tại Văn phòng và Ban quản lý dự án:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nợ gốc	Dự phòng	Nợ gốc	Dự phòng
- Ban QL Công trình Xây dựng Phát triển Đô thị	974.446.000	(487.223.000)	-	-
- CN Công ty CP Danatol tại Nghệ An	266.132.501	-	766.132.501	(766.132.501)
- Công ty CP ĐT XD Sài Gòn	122.560.000	(122.560.000)	122.560.000	(122.560.000)
- Công ty TNHH Long Bình	116.334.000	(116.334.000)	116.334.000	(116.334.000)
- Công ty CP Xây dựng số 2 - Vinaconex 2	-	-	147.104.151	(102.972.906)
- Sở Khoa học và Công nghệ	44.164.590	(44.164.590)	-	-
- UBDS Gia đình & Trẻ em BRVT	22.499.000	(22.499.000)	22.499.000	(22.499.000)
- Ban QL Vốn SNTC TP Vinh	16.343.788	(16.343.788)	16.343.788	(11.440.652)

CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

- Công ty TNHH Hà Phương Nam	103.099.000	(103.099.000)	-	-
- Công ty TNHH FaVi	9.180.000	(9.180.000)	-	-
- Công ty TNHH XD Hoàn Mỹ	-	-	101.796.800	(101.796.800)
- Công ty TNHH XD Sao Mai	-	-	4.200.000	(2.940.000)
Cộng	5.470.706.879	(921.403.378)	1.296.970.240	(1.246.675.859)

b. Dự phòng nợ phải thu khó đòi theo dõi tại Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nợ gốc	Dự phòng	Nợ gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH XD Tổng Hợp Đồng Hới	-	-	122.240.000	(85.568.000)
- Công ty TNHH Thương mại Hương Lúa	333.396.000	(333.396.000)	333.396.000	(233.377.200)
- Công ty Cổ phần ĐT & XD HUD1	174.248.012	(174.248.012)	174.248.012	(121.973.608)
- Công ty TNHH MTV 508 Lâm Đồng	170.059.000	(170.059.000)	170.059.000	(119.041.300)
- Công ty TNHH Long Bình	151.929.773	(151.929.773)	287.358.001	(201.150.601)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại số 9	102.992.000	(102.992.000)	102.992.000	(102.992.000)
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và TM Phú Bình	49.040.000	(24.520.000)	-	-
- Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	317.137.639	(221.996.347)	-	-
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông tỉnh BRVT	300.000.000	(210.000.000)	-	-
- Công ty Cổ phần TM & XL An Phú	294.154.000	(294.154.000)	-	-
Cộng	1.892.956.424	(1.683.295.132)	1.190.293.013	(864.102.709)



6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.718.658.652	-	2.635.760.956	-
- Công cụ, dụng cụ	509.116.393	-	57.094.761	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.975.261.715	(400.944.620)	2.051.475.419	-
- Thành phẩm	12.104.028.188	(17.894.649)	19.350.580.280	(157.537.569)
- Hàng gửi bán	4.960.095.038	-	7.017.286.518	-
Cộng	34.267.159.986	(418.839.269)	31.112.197.934	(157.537.569)

Giá trị Hàng tồn kho theo dõi tại các Đơn vị vào ngày cuối năm như sau:

	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thuần
- Văn phòng và Ban quản lý dự án	10.267.669.217	-	10.267.669.217
- Chi nhánh Miền Bắc	9.257.221.797	-	9.257.221.797
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	14.198.439.446	(418.839.269)	13.779.600.177
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	543.829.526	-	543.829.526
Cộng	34.267.159.986	(418.839.269)	33.848.320.717

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, tiền thuê mặt bằng được phân bổ trong vòng 12 tháng:

- Số đầu năm	-
- Mua trong năm	5.702.078.393
- Tăng do phân loại lại	888.612.613
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(2.501.120.204)
Số cuối năm	4.089.570.802

Chi phí trả trước ngắn hạn theo dõi tại các Đơn vị như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Văn phòng và Ban quản lý dự án	100.000.000	-
- Chi nhánh Miền Bắc	954.870.357	-
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	3.034.700.445	-
Cộng	4.089.570.802	-
8. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		
- Chi nhánh Miền Bắc	-	10.488.900
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	120.091.653	-
Cộng	120.091.653	10.488.900
9. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Các khoản thuế nộp thừa theo dõi tại các đơn vị:		
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (Văn phòng và Ban quản lý dự án)	1.542.243.037	-
- Thuế Thu nhập cá nhân (Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco)	43.637.275	18.400.560
Cộng	1.585.880.312	18.400.560
10. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn theo dõi tại các Đơn vị như sau:		
- Văn phòng và Ban quản lý dự án [*]	202.007.500	-
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	9.998.611	4.998.611
Cộng	212.006.111	4.998.611

[*] Khoản ký quỹ tại Ngân hàng TPCM Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để bảo đảm thực hiện hợp đồng thi công xây dựng công trình, thời hạn ký quỹ là 36 tháng.

CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

11. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Chi tiêu					
Nguyên giá					
- Số đầu năm	54.302.958.200	2.491.991.481	31.844.660.130	10.632.827.129	99.272.436.940
- Tăng trong năm	10.168.326.631	-	3.806.363.636	-	13.974.690.267
- Giảm TS khấu hao hết	(2.242.692.193)	(178.546.375)	-	(217.384.463)	(2.638.623.031)
- Số cuối năm	62.228.592.638	2.313.445.106	35.651.023.766	10.415.442.666	110.608.504.176
Giá trị hao mòn					
- Số đầu năm	49.533.057.263	2.178.648.939	26.847.646.439	8.195.120.311	86.754.472.952
- Khấu hao trong năm	1.356.419.654	197.969.368	2.128.840.109	927.963.807	4.611.192.938
- Giảm TS khấu hao hết	(2.242.692.193)	(178.546.375)	-	(217.384.463)	(2.638.623.031)
- Số cuối năm	48.646.784.724	2.198.071.932	28.976.486.548	8.905.699.655	88.727.042.859
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	4.769.900.937	313.342.542	4.997.013.691	2.437.706.818	12.517.963.988
- Tại ngày cuối năm	13.581.807.914	115.373.174	6.674.537.218	1.509.743.011	21.881.461.317
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết còn sử dụng					
- Tại ngày đầu năm	46.356.979.425	1.840.635.570	24.021.780.355	7.368.385.998	79.587.781.348
- Tại ngày cuối năm	44.114.287.232	1.662.089.196	24.186.750.355	7.828.853.575	77.791.980.358



CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)
 Năm 2016

Tài sản cố định hữu hình theo dõi tại các Đơn vị vào ngày cuối năm như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
- Văn phòng và Ban quản lý dự án	50.420.254.292	(46.590.320.995)	3.829.933.297
- Chi nhánh Miền Bắc	24.966.963.667	(18.757.292.150)	6.209.671.517
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	22.313.219.964	(15.156.840.792)	7.156.379.172
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	12.908.066.253	(8.222.588.922)	4.685.477.331
Cộng	110.608.504.176	(88.727.042.859)	21.881.461.317

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình theo dõi tại Văn phòng và Ban quản lý dự án như sau:

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [*]	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Chỉ tiêu			
Nguyên giá	16.903.200.000	117.015.000	17.020.215.000
Giá trị hao mòn	-	117.015.000	117.015.000
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu năm	16.903.200.000	-	16.903.200.000
- Tại ngày cuối năm	16.903.200.000	-	16.903.200.000

[*] Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất và được cấp tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 725561, tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 73, diện tích: 1.408,6 m², địa chỉ lô đất: số 6 Đường 3/2, Phường 8, Tp. Vũng Tàu, mục đích sử dụng để xây dựng trụ sở cơ quan. Giá đất để xác định giá trị quyền sử dụng đất do Sở Tài chính Tỉnh BR-VT xác định là 16.903.200.000 Đồng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Văn phòng và Ban quản lý dự án	952.098.924.729	885.941.347.873
b. Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	609.492.614	235.085.126
Cộng	952.708.417.343	886.176.432.999



CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

a. Số dư chi tiết theo dõi tại Văn phòng và Ban quản lý dự án:

Các dự án UBND Tỉnh giao (Ban quản lý dự án)	947.522.028.554	874.513.171.672
- Dự án đầu tư xây dựng công trình thu gom, xử lý và thoát nước Tp.VT (ODA Pháp)	573.796.137.106	541.816.109.652
- Dự án đầu tư xây dựng công trình tuyến kênh thoát nước chính Tp.VT (Bàu Sen - Bàu Trũng - Rạch Bà - Cửa Lấp)	1.488.445.390	519.836.661
- Dự án đầu tư xây dựng công trình thu gom và xử lý nước thải, thị xã Bà Rịa	18.595.014.588	12.248.946.183
- Dự án đầu tư xây dựng công trình thu gom, xử lý và thoát nước khu đô thị mới Phú Mỹ, huyện Tân Thành	15.772.608.948	14.678.946.045
- Dự án tuyến thoát nước chống ngập úng Ba Cu - Trương Công Định - Bàu Sen 3, Tp.VT	11.730.626.681	[*] 11.730.626.681
- Dự án tuyến thoát nước chống ngập úng đường Lê Văn Lộc - Kè Bến Đình Tp.VT	1.929.333.860	[*] 1.929.333.860
- Dự án tuyến thoát nước từ đường Phan Chu Trinh vào hồ Bàu Sen qua hồ Á Châu Tp.VT	6.401.419.874	[*] 6.399.806.244
- Dự án đầu tư xây dựng công trình thay thế các hồ ga thu nước hiện hữu bằng hồ ga nước mưa	163.506.252.489	135.598.614.549
- Dự án đầu tư xây dựng công trình 3 tuyến thoát nước chống ngập úng thị xã Bà Rịa	144.923.990.280	[*] 144.923.990.280
- Dự án lập quy hoạch chuyên ngành thoát nước thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức đến năm 2025	613.860.066	[*] 613.860.066
- Dự án lập quy hoạch chuyên ngành thoát nước thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc đến năm 2025	653.101.451	[*] 653.101.451
- Dự án thu gom, xử lý nước thải đô thị Long Điền, huyện Long Điền	1.999.874.400	-
- Dự án thu gom, xử lý và thoát nước TP. Vũng Tàu giai đoạn 2	3.400.000.000	3.400.000.000
- Dự án tuyến mương thoát nước cho lưu vực Phường 10, Phường Rạch Dừa ra hồ Rạch Bà Tp.VT	11.153.423	-
- Dự án đầu tư xây dựng công trình tuyến thoát nước Chân Núi Lớn	7.737.283	-
- Dự án tuyến cống bao bọc dọc hành lang kỹ thuật Quốc lộ 51	624.939.483	-
- Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống thoát nước đường Thủy Vân (đoạn Hoàng Hoa Thám đến Phan Chu Trinh)	29.106.909	-
- Lập quy hoạch hệ thống thoát nước thải chung khu vực tập trung các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Tỉnh BR-VT	1.533.142.642	-
- Lập quy hoạch hệ thống thoát nước đảo Long Sơn Tp.VT	423.911.013	-
- Dự án đầu tư xây dựng công trình thu gom, xử lý nước thải khu vực Long Sơn, Gò Găng Tp.VT	81.372.668	-
XDCB dở dang hình thành TSCĐ của Công ty	4.576.896.175	11.428.176.201
- Dự án công trình chợ du lịch Vũng Tàu	-	87.039.001
- Dự án đầu tư xây nhà máy công nghệ tại Thái Bình	2.522.706.227	2.291.349.414
- Dự án đầu tư xây nhà máy công nghệ tại Thái Bình giai đoạn 2	-	231.356.813

482-003
 CÔNG TY TNHH
 KIỂM TOÁN
 VIỆT
 NHÁNH
 THÀNH PHỐ
 HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

- Dự án 100 ha Tóc Tiên: hàng rào - nhà Bảo vệ	-	803.311.846
- Dây chuyền sản xuất tại Vĩnh Phúc	-	32.986.381
- Dự án mở rộng dây chuyền sản xuất 1 tại Vĩnh Phúc	-	166.721.617
- Dự án xưởng cơ khí khoa học công nghệ tại Vũng Tàu	-	841.869.260
- Dự án xưởng công nghệ đã chiến 5 tại Hồ Chí Minh	-	814.239.174
- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Thạch Thất	-	3.114.737.506
- Dự án đầu tư xây dựng Xưởng đã chiến 6 Bà Rịa	-	1.922.771.752
- Dự án đầu tư xây dựng Xưởng đã chiến 7 Thái Bình	276.823.659	776.000.170
- Dự án xây dựng Xưởng đã chiến 8 tại Nghệ An	-	345.793.267
- Dự án xây dựng Xưởng công nghệ Nha Trang mới	1.768.388.289	-
- Dự án xây dựng nhà lắp ghép Bà Rịa	8.978.000	-
Cộng	952.098.924.729	885.941.347.873

[*] Các dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của UBND Tỉnh BR-VT bàn giao cho Công ty tiếp nhận và được phép ghi tăng tài sản có tổng giá trị là 166.252.332.212 Đồng.

b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo dõi tại Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco là chi phí xây dựng nhà gỗ làng nghề tại chợ du lịch.

14. Đầu tư vào công ty con

- Công ty CP Xây lắp Busadco	3.536.000.000	3.436.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh BR-VT	7.918.854.794	7.918.854.794
Cộng	11.454.854.794	11.354.854.794

Vốn góp và tỷ lệ lợi ích của Công ty tại các Công ty con vào ngày 31/12/2016 như sau:

	Vốn điều lệ của công ty con	Vốn thực góp của các cổ đông tại công ty con	Vốn thực góp của Công ty	Tỷ lệ vốn góp, lợi ích của Công ty
- Công ty CP Xây lắp Busadco	33.000.000.000	6.332.000.000	3.536.000.000	55,84%
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh BR-VT	14.000.000.000	11.926.354.793	7.918.854.794	66,40%
Cộng			11.454.854.794	

	Số cuối năm	Số đầu năm
15. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	7.996.500.000	7.996.500.000

Khoản đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành Tỉnh BR-VT (có Vốn Điều lệ 20.000.000.000 Đồng), Vốn góp của Công ty chiếm **39,98%** Vốn điều lệ tại Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành Tỉnh BR-VT.

16. Chi phí trả trước dài hạn

- Số đầu năm	5.515.069.600
- Tăng trong năm	2.650.194.691
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(5.899.317.339)
- Giảm do phân loại sang ngắn hạn	(888.612.613)
- Số cuối năm	1.377.334.339

Chi phí trả trước dài hạn theo dõi tại các Đơn vị như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng và Ban quản lý dự án	753.092.023	493.781.886
- Chi nhánh Miền Bắc	-	1.636.965.003
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	163.831.666	2.876.039.658
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	460.410.650	508.283.053
Cộng	1.377.334.339	5.515.069.600

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	257.212.699	494.639.807
- Hoàn nhập Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (khoản chênh lệch tạm thời về chi phí khấu hao Chợ Du lịch)	(237.427.108)	(237.427.108)
- Số cuối năm	19.785.591	257.212.699



18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn theo dõi tại các Đơn vị như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Văn phòng và Ban quản lý dự án	49.586.085.646	20.123.740.829
b. Chi nhánh Miền Bắc	4.559.329.924	4.341.687.343
c. Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	3.247.460.342	4.509.380.262
d. Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	18.614.296.133	12.258.524.919
Cộng	76.007.172.045	41.233.333.353
a. Số dư chi tiết theo dõi tại Văn phòng và Ban quản lý dự án:		
Phải trả cho người bán (hoạt động kinh doanh)	4.692.635.351	9.160.188.045
- Công ty CP Xây lắp Busadco	2.263.369.126	3.016.516.668
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh BR-VT	-	1.241.726.260
- Công ty CP Du lịch và Tiếp thị GTVT VN-Vietravel	-	564.480.000
- Công ty TNHH TM DV Du lịch Vận tải Thanh Hằng	516.562.100	208.821.600
- Công ty CP Công trình Giao thông và Đô thị Côn Đảo	500.000.000	-
- Công ty CP Quản lý và Phát triển Hạ tầng Đô thị Vinh	361.361.920	225.581.628
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Tổng hợp Tỉnh BRVT	222.328.840	464.803.840
- DNTN Xăng dầu Hồng Long	195.936.360	241.531.990
- Các đối tượng khác	633.077.005	3.196.726.059
Phải trả cho người bán (Ban quản lý dự án)	44.893.450.295	10.963.552.784
- Công ty CP Xây dựng số 5	40.313.725.132	10.699.629.947
- TT Nghiên cứu Địa Kỹ thuật - Trường ĐH Mở Địa chất	2.528.420.000	-
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Hà Minh	769.513.000	-
- Công ty CP TV Đầu tư Hạ tầng Phương Đông	538.485.000	-
- Công ty CP Nước môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn	367.466.793	-
- Công ty CP Nước & Môi trường Việt Nam	155.000.000	-

0384
 CÔNG TY
 KIỂM
 AN TÀ
 CHI NI
 TẠI THÀ
 HỒ CHÍ
 PHỐ H

CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

- Công ty TV ĐHXD Hà Nội	80.478.000	-
- Các đối tượng khác	140.362.370	263.922.837
Cộng	49.586.085.646	20.123.740.829
Trong đó Phải trả cho bên liên quan:		
- Công ty CP Xây lắp Busadco	2.263.369.126	3.016.516.668
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh BRVT	-	1.241.726.260
b. Số dư chi tiết theo dõi tại Chi nhánh Miền Bắc:		
- Công ty TNHH TM và DV Tuyết Anh Thái Bình	2.864.565.758	2.887.960.358
- Doanh nghiệp tư nhân Xuân Cát	697.306.485	656.204.485
- Các đối tượng khác	997.457.681	797.522.500
Cộng	4.559.329.924	4.341.687.343
c. Số dư chi tiết theo dõi tại Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco:		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	1.186.519.271	2.506.217.451
- Công ty TNHH Sản xuất TM DV XNK Thiên Trung	477.762.500	-
- Công ty TNHH TM Vận tải Long Long Nguyễn	369.257.583	-
- Các đối tượng khác	1.213.920.988	2.003.162.811
Cộng	3.247.460.342	4.509.380.262
Trong đó Phải trả là bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	1.186.519.271	2.506.217.451
- Công ty Cổ phần Xây lắp Busadco	44.988.672	-
d. Số dư chi tiết theo dõi tại Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco:		
- Công ty TNHH TM và Kỹ thuật Tuấn Đức	2.339.718.680	456.312.200
- Công ty TNHH KD thép vật tư Thái Bình	2.296.430.123	436.889.900
- Công ty TNHH Thương mại Cog	2.211.136.127	559.593.538
- Công ty TNHH Hoàng Chương	1.611.450.643	658.145.809
- Công ty TNHH Nghĩa Thành	1.330.700.002	1.507.535.002
- Công ty TNHH Thần Phong	1.289.387.258	915.677.789
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	968.454.000	1.722.000.000



CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

- Công ty TNHH Bẩy Tám	943.710.000	217.655.000
- Công ty TNHH VLXD Minh Khang Khánh Hòa	553.162.404	4.305.000
- Vật liệu Xây dựng trang trí nội thất 52	535.808.836	256.165.500
- Cửa hàng Trung Hòa	510.677.580	482.264.540
- Công ty Cổ phần TM hóa dầu Miền Nam	367.924.150	546.677.300
- Công ty TNHH Đại Thanh	344.561.999	400.563.499
- Công ty TNHH Xây lắp & TMTH Quang Lộc	333.265.908	897.196.141
- Các đối tượng khác	2.977.908.423	3.197.543.701
Cộng	18.614.296.133	12.258.524.919
19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Người mua trả tiền trước ngắn hạn theo dõi tại các Đơn vị như sau:		
a. Văn phòng và Ban quản lý dự án	2.336.687.748	387.352.433
b. Chi nhánh Miền Bắc	1.700.000.000	20.907.500
c. Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	1.887.803.300	1.440.986.927
d. Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	32.000.000	102.500.000
Cộng	5.956.491.048	1.951.746.860
a. Số dư chi tiết theo dõi tại Văn phòng và Ban quản lý dự án:		
- Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Liên Sơn	-	29.483.633
- Phạm Ngọc Tuyền	1.336.600.000	-
- Công ty TNHH Tuấn Anh	446.466.000	207.868.800
- Korea Invention Promotion Association (KIPA)	303.621.748	-
- BQLDA CC SP Busadco (CC đồng mẫu)	150.000.000	150.000.000
- Đặng Duy Tân	100.000.000	-
Cộng	2.336.687.748	387.352.433
b. Số dư chi tiết theo dõi tại Chi nhánh Miền Bắc:		
- Công ty Cổ phần Xây dựng và TM Nam Dương	1.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Mỹ Sơn	200.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	20.907.500
Cộng	1.700.000.000	20.907.500

c. Số dư chi tiết theo dõi tại Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco:

- Công ty TNHH MTV VLXD CII E&C	361.140.000	-
- Công ty Cổ phần Hải Phương	188.853.500	188.853.500
- Công ty TNHH Hòa Hiệp	101.440.000	38.786.000
- Công ty TNHH ĐT và XD Hưng Khôi	84.674.400	-
- Công ty TNHH Minh Quang	-	296.581.203
- Công ty Cổ phần Đầu tư PACIFIC	-	536.032.224
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	810.889.000	-
- Các đối tượng khác	340.806.400	380.734.000
Cộng	1.887.803.300	1.440.986.927

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	7.875.220.508	15.941.962.089	19.001.296.270	4.815.886.327
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	291.427.748	372.809.862	2.206.480.647	(1.542.243.037)
- Thuế Thu nhập cá nhân	2.204.540.399	10.098.591.346	8.507.465.932	3.795.665.813
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	1.036.770.968	1.036.770.968	-
- Thuế Môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	10.371.188.655	27.456.134.265	30.758.013.817	7.069.309.103

Trong đó

- Thuế phải nộp Nhà nước	10.389.589.215			8.655.189.415
- Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.9)	(18.400.560)			(1.585.880.312)

Các khoản thuế phải nộp Nhà nước theo dõi tại các Đơn vị như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng và Ban quản lý dự án	6.828.252.187	8.390.765.155
- Chi nhánh Miền Bắc	766.858.947	1.108.215.970
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	1.060.078.280	695.314.630
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	1	195.293.460
Cộng	8.655.189.415	10.389.589.215

Thuế Giá trị gia tăng

- Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng :
- Nước sinh hoạt : 5%
 - Sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ : 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Theo công văn số 17652/BTC-CST ngày 03/12/2014 của Bộ Tài Chính thì Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN nếu Công ty đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ doanh thu từ việc kinh doanh các hàng hoá sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ thì được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo.

Năm 2016, Công ty đạt được tỷ lệ về doanh thu và thuộc trường hợp được áp dụng thuế suất 10% và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp.

Tiền thuê đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

21. Phải trả người lao động

Phải trả người lao động theo dõi tại các Đơn vị như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng và Ban quản lý dự án [*]	2.996.650.916	12.718.749.579
- Chi nhánh Miền Bắc	1.386.014.152	2.237.067.099
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	6.431.045.974	6.486.138.138
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	258.450.099	262.882.967
Cộng	11.072.161.141	21.704.837.783

24. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn khác theo dõi tại các Đơn vị như sau:

- Văn phòng và Ban quản lý dự án	[*]	910.674.633	1.601.912.767
- Chi nhánh Miền Bắc		280.387.441	849.371.367
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco		491.458.601	1.464.977.627
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco		366.591.118	75.588.660
Cộng		2.049.111.793	3.991.850.421

[*] Phải trả khác theo dõi tại Văn phòng và Ban quản lý dự án như sau:

- Thuế TNCN 2016 hoàn trả nhân viên		433.886.825	-
- Trần Văn Minh		181.179.900	179.499.928
- Đinh Xuân Thịnh		180.994.869	172.754.857
- Quỹ khen thưởng Ban Điều hành		-	145.481.977
- Bán hồ sơ mời thầu		110.973.039	110.973.039
- Vũ Kim Hồng		3.640.000	1.820.000
- Thuế TNCN 2015 hoàn trả nhân viên		-	596.285.223
- Các đối tượng khác		-	395.097.743
Cộng		910.674.633	1.601.912.767

25. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Khoản vay thấu chi tài khoản ngân hàng:

- Số đầu năm	8.144.151.168
- Tăng trong năm	110.920.810.344
- Giảm trong năm	(119.064.961.512)
- Số cuối năm	-



26. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng	16.118.312.867	7.666.393.846	10.269.584	7.573.622.711	16.221.353.586
- Quỹ Phúc lợi	13.333.497.425		- 301.818.906	5.756.393.152	7.878.923.179
- Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	-		- 145.481.977	6.609.584	138.872.393
Cộng	29.451.810.292	7.666.393.846	457.570.467	13.336.625.447	24.239.149.158

27. Vốn chủ sở hữu

A	Năm trước	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
27.1	Vốn góp của chủ sở hữu	41.449.435.281	-	-	41.449.435.281
27.2	Quỹ đầu tư phát triển	31.413.723.068	7.827.157.430	-	39.240.880.498
27.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	26.090.524.767	26.090.524.767	-
27.4	Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.088.379.825.065	83.133.190.541	-	1.171.513.015.606
	Cộng	1.161.242.983.414	117.050.872.738	26.090.524.767	1.252.203.331.385
B	Năm nay	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
27.1	Vốn góp của chủ sở hữu	41.449.435.281	-	-	41.449.435.281
27.2	Quỹ đầu tư phát triển	39.240.880.498	3.285.597.362	-	42.526.477.860
27.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	10.951.991.208	10.951.991.208	-
27.4	Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.171.513.015.606	70.232.630.783	2.204.099.213	1.239.541.547.176
	Cộng	1.252.203.331.385	84.470.219.353	13.156.090.421	1.323.517.460.317

27.1 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

27.2 Quỹ Đầu tư phát triển

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	39.240.880.498	31.413.723.068
- Bổ sung từ lợi nhuận	3.285.597.362	7.827.157.430
Số cuối năm	42.526.477.860	39.240.880.498

27.3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 được Công ty phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận năm trước chưa PP chuyển năm nay	-	-
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	10.951.991.208	26.090.524.767
- Phân phối lợi nhuận năm nay	(10.951.991.208)	(26.090.524.767)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(3.285.597.362)	(7.827.157.430)
Trích Quỹ Khen thưởng	(7.666.393.846)	(961.883.831)
Trích Quỹ Phúc lợi	-	(17.301.483.506)
- Lợi nhuận năm nay chuyển năm sau	-	-
Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau	-	-

27.4 Nguồn vốn đầu tư XDCB

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn vốn ngân sách tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	818.688.532.287	750.660.000.717
- Dự án thu gom, xử lý & thoát nước Tp. Vũng Tàu	489.132.913.646	426.696.490.524
- Dự án công hóa kênh mương thoát nước chính Tp.VTàu	1.411.215.140	1.411.215.140



CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

- Dự án thu gom & xử lý nước thải Bà Rịa (QĐ 2498)	15.839.635.456	15.839.635.456
- Dự án thu gom, xử lý & thoát nước huyện Tân Thành	6.701.200.165	6.378.541.785
- Dự án tuyến thoát nước Bacu - Bàu sen 3 Tp. VTàu	11.730.626.681	11.730.626.681
- Dự án tuyến thoát nước CNU Lê V Lộc -Kè Bến Đình	1.929.333.860	1.929.333.860
- Dự án tuyến thoát nước khu vực hồ á Châu P2 -VTàu	6.589.497.274	6.401.419.874
- Dự án thay thế & lắp đặt HGNM kiểu mới	132.000.417.700	127.000.417.700
- Dự án 3 tuyến thoát nước thị xã Bà Rịa	144.923.990.280	144.923.990.280
- Dự án thu gom, xử lý nước thải Long Điền	1.999.874.400	1.999.874.400
- Dự án thu gom, xử lý & thoát nước Tp. VTàu (gđ2)	3.200.000.000	3.200.000.000
- Dự án quy hoạch HTTN thị trấn Ngãi Giao - Châu Đức	613.860.066	613.860.066
- Dự án quy hoạch HTTN thị trấn Phước Bửu - Xuyên Mộc	653.101.451	653.101.451
- Dự án tuyến cống bao nằm dọc QL 51	472.934.500	472.934.500
- Dự án HTTN đường Thùy Vân (Từ HHT - PCT)	13.137.000	13.137.000
- Dự án thu gom, xử lý nước thải KV Long Sơn - Gò Găng	126.372.668	45.000.000
- Dự án QH HTTN thải KV cụm công nghiệp và TTCN	1.350.422.000	1.350.422.000
Nguồn vốn ngân sách Trung ương	350.885.999.428	350.885.999.428
- Dự án thu gom, xử lý & thoát nước TP. Vũng Tàu	341.948.896.451	341.948.896.451
- Dự án thu gom, xử lý & thoát nước huyện Tân Thành	8.937.102.977	8.937.102.977
Nguồn vốn khác	69.967.015.461	69.967.015.461
- Dự án thu gom & xử lý nước thải Bà Rịa (QĐ2498)	69.967.015.461	69.967.015.461
Cộng	1.239.541.547.176	1.171.513.015.606



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ phát sinh tại các Đơn vị như sau:		
Tổng doanh thu	275.204.261.517	360.146.678.948
- Văn phòng và Ban quản lý dự án	182.259.759.954	276.280.747.521
- Chi nhánh Miền Bắc	11.776.598.810	28.640.078.698
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	75.156.703.561	48.010.224.334
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	6.011.199.192	7.215.628.395
Giảm trừ doanh thu (hàng bán bị trả lại)	(343.818.547)	(8.562.912.442)
- Văn phòng và Ban quản lý dự án	(189.669.458)	(8.562.912.442)
- Chi nhánh Miền Bắc	(154.149.089)	-
Doanh thu thuần	274.860.442.970	351.583.766.506
- Văn phòng và Ban quản lý dự án	182.070.090.496	267.717.835.079
- Chi nhánh Miền Bắc	11.622.449.721	28.640.078.698
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	75.156.703.561	48.010.224.334
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	6.011.199.192	7.215.628.395
29. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng bán của sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ phát sinh tại các Đơn vị như sau:		
- Văn phòng và Ban quản lý dự án	110.818.900.463	160.274.527.588
- Chi nhánh Miền Bắc	5.440.349.736	18.051.618.933
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	48.845.235.507	30.268.318.218
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	3.876.450.678	6.785.140.358
Cộng	168.980.936.384	215.379.605.097



CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

30. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi ngân hàng	36.721.981	54.844.450
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	959.580.000	1.650.391.257
- Lãi chênh lệch tỷ giá	3.128.253	23.189.120
Cộng	999.430.234	1.728.424.827

31. Chi phí tài chính

- Chi phí lãi vay thấu chi	317.879.298	198.714.129
- Chi phí tài chính khác	80.354.927	30.669.668
Cộng	398.234.225	229.383.797

32. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên bán hàng	1.650.272.515	1.603.678.078
- Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	486.447.385	33.255.997
- Chi phí khấu hao TSCĐ	303.152.980	663.805.610
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.272.351.091	16.448.983.181
- Chi phí bằng tiền khác	1.793.272.161	1.855.972.819
Cộng	19.505.496.132	20.605.695.685

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	34.376.365.139	53.390.921.902
- Chi phí vật liệu quản lý	118.073.395	150.622.774
- Chi phí đồ dùng văn phòng	983.700.307	964.270.694
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.165.248.631	1.326.527.037
- Thuế, phí và lệ phí	260.921.230	405.684.911
- Chi phí dự phòng	493.919.942	326.660.667
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.088.301.009	4.423.532.063
- Chi phí bằng tiền khác	35.169.792.519	28.367.148.224
Cộng	75.656.322.172	89.355.368.272

CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

34. Thu nhập khác

- Thu tiền phạt bồi thường	24.320.992	44.045.479
- Thành phẩm phát hiện thừa khi kiểm kê	4.033.207	42.859.005
- Thu nhập từ xử lý nợ, Thu nhập khác	464.315.980	894.818.616
Cộng	492.670.179	981.723.100

35. Chi phí khác

- Chi phí xử lý sản phẩm hỏng	120.114.228	289.702.331
- Các khoản tiền phạt	78.926.229	87.574.644
- Chi phí khác	50.285.835	882.874.325
Cộng	249.326.292	1.260.151.300

36. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.562.228.178	27.463.710.282
- Cộng Chi phí không được trừ	1.602.091.225	-
- Trừ thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	(959.580.000)	-
- Điều chỉnh Chi phí khấu hao Chợ du lịch	(4.748.542.150)	(4.748.542.150)
- Tổng thu nhập chịu thuế	7.456.197.253	22.715.168.132
- Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
- Thuế TNDN tính theo thuế suất	745.619.725	2.271.516.813
- Giảm 50% số thuế TNDN phải nộp	(372.809.863)	(1.135.758.406)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	372.809.862	1.135.758.407

37. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Hoàn nhập Tài sản thuế thu nhập hoãn lại vào Chi phí thuế TNDN hoãn lại do phân bổ khoản chênh lệch tạm thời về chi phí khấu hao Chợ Du lịch:

- Phân bổ chi phí khấu hao Chợ Du lịch	4.748.542.150	4.748.542.150
- Thuế suất thuế TNDN 10%, giảm 50%	5%	5%
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	237.427.108	237.427.108



VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về cổ phần hóa

Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết để cổ phần hóa doanh nghiệp theo chỉ đạo của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết

- Về tiền thuê đất phải nộp liên quan đến khu Chợ Du lịch ở Khu phố 1, phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu với diện tích khoảng 4 ha, Công ty đã xây dựng và đưa Chợ Du lịch vào hoạt động kinh doanh từ năm 2012, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thể ký kết hợp đồng thuê đất với các cơ quan hữu quan, do đó Công ty chưa có cơ sở để tính toán và ghi nhận tiền thuê đất phải nộp cho Nhà nước.
- Công ty đã nhận được Thông báo số 23995/TB-07-CT ngày 21/12/2016 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc truy thu thuế GTGT và TNDN của nhà thầu nước ngoài liên quan đến Dự án thu gom và xử lý nước thải thành phố Bà Rịa, với tổng số tiền truy thu, nộp phạt chậm nộp hơn **22 tỉ đồng**. Về vấn đề này thì UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã gửi Công văn số 1901/UBND.VP ngày 09/03/2017 gửi đến Bộ Tài Chính để đề nghị Bộ Tài chính xem xét việc miễn các khoản thuế TNDN của nhà thầu nước ngoài nêu trên.

3. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Xây lắp Busadco	Công ty con
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Công ty con
- Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Công ty liên doanh liên kết

482
TY T
H TO
TAM V
NHAN
NH P
MIN
HOC

CÔNG TY TNHH THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2016

Giao dịch với các bên liên quan:

Các giao dịch	Bên liên quan	Công ty CP Xây lắp Busadco	Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh BR-VT	Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành tỉnh BR-VT	Ban Tổng giám đốc	Ông Hoàng Đức Thảo (Thủ lao tác giả)
* Nợ phải thu tiền bán sản phẩm, cho thuê máy thi công						
- Số đầu năm		8.537.203.629	602.070.570	-	-	-
- Tăng trong năm		2.166.375.000	15.249.000	-	-	-
- Giảm trong năm		6.603.403.201	565.283.571	-	-	-
- Số cuối năm		4.100.175.428	52.035.999	-	-	-
* Thu cổ tức năm 2015		-	-	959.580.000	-	-
* Thu nhập từ tiền lương, tiền công trong năm		-	-	-	2.122.518.162	-
* Nợ phải trả người bán tiền mua vật tư, nhân công và chi phí thi công xây lắp						
- Số đầu năm		3.016.516.668	3.747.943.711	-	-	-
- Tăng trong năm		8.738.008.101	9.099.453.680	-	-	-
- Giảm trong năm		9.446.166.971	11.660.878.120	-	-	-
- Số cuối năm		2.308.357.798	1.186.519.271	-	-	-
* Trả trước người bán tiền mua vật tư		-	443.133.695	-	-	-
* Nợ phải trả tiền thù lao bản quyền tác giả						
- Số đầu năm		-	-	-	-	29.712.989.415
- Tăng trong năm		-	-	-	-	12.604.180.498
- Giảm trong năm		-	-	-	-	(25.473.181.079)
- Số cuối năm		-	-	-	-	16.843.988.834



4. Thông tin bổ sung

❖ **Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2016**

- Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 100/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế.
 - Thông tư số 05/VBHN-BTC ngày 14/03/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.
 - Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/04/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.
 - Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 11 năm 2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016.
- ❖ **Luật kế toán:** ngày 20/11/2015 Quốc hội đã thông qua Luật số 88/2015/QH13 - Luật Kế toán (sửa đổi) có hiệu lực từ **01/01/2017** thay thế Luật kế toán số 03/2003/QH11.

Luật này quy định về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và tổ chức nghề nghiệp về kế toán.

Thành phố Vũng Tàu, ngày 29 tháng 5 năm 2017

Kế toán trưởng



Trần Văn Bình

Phó Tổng Giám đốc



Hồ Văn Thư